

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 235/2023/DS-PT

Ngày: 22/5/2023

*V/v: Thực hiện nghĩa vụ về tài sản
do người chết để lại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Phùng Hải Hiệp;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Hương Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 276/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4967/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty X; Địa chỉ: Số 245 T, phường H, quận M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang H- Tổng Giám đốc; có mặt

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T- Luật sư Công ty luật J- Thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số 26, tổ 1, phường MĐ, quận M, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu MT, thị trấn PC, huyện PN, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1989; Hiện đang sống tại Australia; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1998; Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1962; Cùng địa chỉ: Số 46, ngõ 266 phố ĐC, phường V, quận K, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2018 của Công ty X(viết tắt là Công ty X) và các lời khai tiếp theo nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/06/2017, Công ty X nộp đơn khởi kiện tại TAND huyện TN khởi kiện đòi nợ ông Nguyễn Ngọc T1 số tiền 917.795.335đ cùng tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. TAND huyện TN đã nhận hồ sơ. Đến tháng 12/2017, TAND huyện TN hướng dẫn Công ty phải khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh H1 do ông T1 đã chết và bà Nguyễn Thị Thanh H1 là người được thừa kế tài sản theo di chúc của ông T1 lập ngày 12/02/2016. Việc công ty khởi kiện là theo hướng dẫn của TAND huyện TN.

Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện, bà H1 đang là bị đơn trong một vụ án khác mà nguyên đơn là Ngân hàng P– chi nhánh Đền Hùng, nội dung giải quyết vụ án có liên quan đến việc xử lý tài sản là nhà đất của ông Nguyễn Ngọc T1, tại khu 6, xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. Diện tích nhà đất này đang được ông T1 dùng làm tài sản đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của ông T1 với Công ty X. Đây là thỏa thuận giữa ông T1 và Công ty theo quy chế tài chính, theo sự tự nguyện của đôi bên, có biên bản bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 07/10/2011.

Sau khi TAND huyện TN có bản án số: 15/2017/ST-DS ngày 26/9/2017 giải quyết vụ án đòi tài sản giữa nguyên đơn là Ngân hàng P– chi nhánh Đền Hùng và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H1, trong bản án này có quyết định liên quan đến tài sản là nhà đất của ông Nguyễn Ngọc T1; tại Khu 6, xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên tại thời điểm giải quyết vụ án ông T1 đã chết, TAND huyện TN không đưa ông T1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan và cũng không xác minh địa chỉ của con ông T1 để bổ sung tham gia tố tụng theo đúng yêu cầu của Ngân hàng tại Văn bản ngày 22/06/2017. Việc vi phạm pháp luật liên quan đến vụ việc này Công ty X đã làm đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TN đã bán phát mại tài sản của ông T1 chỉ để trả nợ cho khoản vay là: 149.000.000 đồng, và 15.182.417 đồng tiền lãi. Khi bán phát mại tài sản của ông T1 các cơ quan như Chi cục thi hành án dân sự huyện TN, VKSND huyện TN, Văn phòng đất đai huyện TN cũng không mời các con của ông T1 lên làm việc. Tổng giá trị tài sản bán phát mại là hơn 1,7 tỷ đồng, sau khi trừ đi số tiền phải trả cho Ngân hàng, toàn bộ số tiền còn lại là hơn 1,4 tỷ đồng, Chi cục thi hành án dân sự huyện TN đã bàn giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H1. Việc bán tài sản của bên thứ ba bảo lãnh cho bên vay (ông T1) khi chưa yêu cầu ông T1, người thừa kế của ông T1 thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho bà H1 là vi phạm pháp luật nghiêm trọng, Công ty X sẽ tiếp tục tố cáo việc này với Tổng Cục Thi hành

án – Bộ tư pháp, Cơ quan điều tra của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Nhưng tại phiên Tòa ông H3 đề nghị Hội đồng xét xử vụ án và ông không đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết đối với các đơn đề nghị của ông đối với vụ án giữa nguyên đơn là Ngân hàng P– chi nhánh Đền Hùng và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H1.

Công ty là bên đang nhận bảo đảm là nhà đất của ông T1 để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ với công ty; nhà đất của ông T1 lại là tài sản bị phát mại, bán để trả nợ cho bà H1. Sau khi bán phát mại, số tiền còn thừa bà H1 là người đang chiếm giữ (trên 1,4 tỷ đồng). Điều này có nghĩa là số tiền tài sản bà H1 đang chiếm giữ có nguồn gốc từ tài sản Công ty X nhận bảo đảm với ông Nguyễn Ngọc Trung.

Hơn nữa theo di chúc của ông T1 lập ngày 12/02/2016 thì bà H1 là người được giao quản lý khối tài sản là nhà đất của ông T1 tại Khu 6, xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ cùng với các con của ông T1 là các cháu Nguyễn Ngọc Lvà Nguyễn Ngọc N(con chung của Ông T1 với người vợ trước là Bà Nguyễn Thị Minh H); tài sản này chỉ được dùng vào việc thờ cúng tổ tiên. Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thì bà H1 hiện là người chiếm giữ số tiền bán tài sản của ông T1, mà tài sản này đang dùng làm bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông T1 với Công ty với số tiền là 917.795.335 đồng, cho nên Công ty có cơ sở để yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm dùng số tiền đó để trả nợ thay cho ông T1 đối với Công ty, còn tiền lãi phát sinh kể từ ngày hai bên chốt nợ 30/01/2013 giữa Công ty X với ông Nguyễn Ngọc T1 đến nay công ty không yêu cầu.

Tại phiên tòa, ông H3 đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải thực hiện nghĩa vụ thay cho ông T1 để trả nợ số tiền 917.795.335đ cho Công ty X. Bởi các lý do sau:

Thứ nhất, số tiền bà H1 đã nhận của cơ quan thi hành án dân sự huyện TN là không hợp pháp bởi vì bà H1 không phải là người thừa kế trong bản án. Tại thời điểm đó bà H1 không có đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Ngọc T1; ông Nguyễn Ngọc T1 là người đã nợ tiền của công ty trước khi ông T1 chết.

Thứ hai, bà H1 không phải là người được toàn quyền định đoạt tài sản theo di chúc có nêu: ... 2 con mà cùng với bà H1 cùng giữ gìn bảo quản... mang tính chất lâu dài... thờ cúng không được mua bán đổi chác hoặc cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh H1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc T1 đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ ngày 21/4/2013 cho đến ngày ông T1 chết. Trước khi ông T1 chết có để lại cho bà một bản di chúc ngày 12/02/2016 được quản lý, sử dụng tài sản là ngôi nhà tại Khu 6, xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ. Sau khi ông T1 chết chi cục thi hành án dân sự huyện TN, tỉnh Phú Thọ đã bán tài sản là thửa đất số 223 và tài sản trên đất để thi hành khoản nợ mà bà và ông T1 đã vay trong quá trình chung sống của ngân hàng TMCP Công Thương, chi nhánh Đền Hùng. Sau khi thanh toán khoản nợ cho ngân hàng Chi cục thi hành án dân sự huyện TN hoàn trả số tiền bán tài sản còn thừa cho bà là 1.425.491.429. Sau khi nhận số tiền trên, bà đã dùng số tiền này để trả các khoản nợ mà bà đã vay cho ông T1 đi làm các công trình khi ông T1

còn sống và các chi phí khi đi viện, ốm đau, làm tang lễ và xây mộ cho ông T1. Nay Công ty X khởi kiện buộc bà phải trả số tiền 917.795.335đ mà công ty đang cho rằng ông T1 còn nợ trước khi chung sống với bà. Quan điểm của bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề sau:

1. Theo di chúc của ông T1 để lại thì bà chỉ là người được giao quản lý một phần di sản không phải là người thừa kế để có nghĩa vụ thực hiện trả nợ cho người để lại di sản.

2. Ông T1 và bà H1 còn tài sản chung là ngôi nhà số 46, ngõ 266, ĐC, K, Hà Nội.

3. Trong đội công trình của ông T1 có nhiều người chứ không phải một mình ông T1 nên đề nghị xem xét trách nhiệm có phải một mình ông T1 phải trả cho Công ty X không?

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Chị Nguyễn Ngọc Ntrình bày: Chị N là con của ông Nguyễn Ngọc T1 (đã chết năm 2016), từ khi ông T1 chết cho đến nay chị N chưa được nhận bất cứ tài sản nào của ông T1. Hiện nay chị N không liên quan gì đến khoản tiền 917.795.335đ mà ông T1 còn nợ của Công ty X. Chị N từ chối tham gia tố tụng trong vụ án này.

- Bà Nguyễn Thị Minh Htrình bày: Bà Hà là vợ trước của ông T1 (đã ly hôn năm 2011), bà Hà và ông T1 có hai người con là Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Ngọc Nhung. Khi ông T1 chết đến thời điểm hiện nay bà Hà chưa được nhận bất cứ di sản nào của ông T1 để lại. Đối với ngôi nhà số 46, ngõ 266, ĐC, Ba Đình, Hà Nội là do bà Hà và ông T1 mua khi ông bà chưa ly hôn (thực tế ông T1 chỉ đứng ra mua giúp, còn toàn bộ tiền là do bà bỏ ra). Hiện nay, ngôi nhà này bà Hà đã làm thủ tục sang tên bà Hà, bà Hà không cung cấp được giấy tờ nhà đất. Hiện nay cháu Linh đang sinh sống và làm việc tại Úc (sang học tập từ năm 2008), cháu Nhung đang học tập tại Hà Nội.

- Đối với chị Nguyễn Ngọc Lhiện đang ở nước ngoài, phía người thân của chị L là bà Hà (mẹ đẻ), chị N (em gái) không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt chị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ quyết định:

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 614, 615, và khoản 1 Điều 616, khoản 1 Điều 617, khoản 1 Điều 618 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 479; khoản 1 Điều 147; Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X.

2. Bị đơn Nguyễn Thị Thanh H1 là người đang quản lý di sản của ông Nguyễn Ngọc T1 thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Ngọc T1 đã chết để lại phải trả nợ cho Công ty X số tiền là 917.795.335đ (Chín trăm mười bảy triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng). Theo biên bản làm việc công nợ đối thi công công trình Vincom Village ngày 30/01/2013 giữa Công ty X với ông Nguyễn Ngọc T1.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/8/2021, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Nguyễn Thị Thanh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, bởi lẽ bà H1 đang giữ 1,4 tỷ của ông T1; ông T1 có nợ công ty 917.759.335 đồng; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử và phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án: Ông T1 có nợ Công ty X số tiền 917.759.335 đồng. Ông T1 đã thế chấp quyền sử dụng đất để công ty cho vay tiền. Nay ông T1 đã chết, thửa đất đó đã được cơ quan thi hành án TN xử lý để giải quyết nợ của bà H1 với Ngân hàng. Số tiền 1.425.491.429 đồng còn lại hiện nay do bà H1 giữ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là tranh chấp “Thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại” giữa Nguyên đơn: Công ty X và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H1. Quá trình giải quyết vụ án, phía bà H, chị N không cung cấp được địa chỉ của chị L ở nước ngoài nên xác định đây là trường hợp dấu địa chỉ. Do có đương sự có yếu tố nước

ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ là Tòa án có thẩm quyền giải quyết sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn:

[2]. Ông Nguyễn Ngọc T1 ký hợp đồng lao động số: 76/HĐLĐ-CT ngày 03/5/2010 với Công ty cổ phần phát triển xây dựng và xuất nhập khẩu Sông Hồng, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/5/2010, chức vụ: Đội trưởng; Công việc phải làm: Quản lý và điều hành trên công trường. Đến ngày 22/9/2011, Công ty X có quyết định số: 115A/QĐ-CT giao cho ông T1, chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước tổng giám đốc Công ty tổ chức thi công gói thầu xây dựng tại Vincom Village, địa điểm tại huyện L, thành phố Hà Nội. Để Công ty X vay vốn ngân hàng phục vụ cho ông T1 thi công gói thầu trên, ông Nguyễn Ngọc T1 đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa số 265, tờ bản đồ 01, diện tích 536,0 m² (Trong đó có 150 m² đất ở, còn lại là đất vườn), địa chỉ thửa đất: Xã HN, huyện TN, tỉnh Phú Thọ, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA086553 do UBND huyện TN cấp ngày 20/9/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Ngọc Trung. Ngày 07/10/2011, hai bên đã giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Sau khi công trình được bàn giao cho Chủ đầu tư, Công ty X và ông Nguyễn Ngọc T1, chức vụ: Đội trưởng đã tiến hành làm việc và xác định số tiền đội công trình phải trả về công ty là 917.795.335 đồng (thể hiện tại biên bản làm việc công nợ đội thi công công trình Vincom Village ngày 30/01/2013).

[3]. Ngày 01/3/2011, Tòa án nhân dân quận K đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự trong đó đã giải quyết công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị Minh H. Về con chung: ông T1 và bà H có hai con chung là Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 02/01/1989 và Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 05/8/1998. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Năm 2013, ông T1 sống chung với bà H1 như vợ chồng. Đến năm 2014, ông T1 đến UBND xã HN khai bị mất giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có đơn xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. UBND xã HN đã thực hiện thủ tục và chuyển đến văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng tài nguyên môi trường huyện TN để thẩm định trình UBND huyện cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Ngày 08/12/2014, UBND huyện TN đã ban hành quyết định số: 4576/QĐ-UBND về việc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành BY 164954, diện tích 450,7 m² (trong đó có 150 m² đất ở, còn lại là đất trồng cây lâu năm). Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 24/12/2014 ông T1 ủy quyền cho bà H1 ký và thực hiện nội dung các hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, chứng từ, phiếu xuất, nhập hồ sơ tài sản bảo đảm và các giấy tờ khác liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng P- chi nhánh Đền Hùng - PGD TN phục vụ vào mục đích xây dựng nhà ở.

Ngày 26/12/2014, ngày 21/10/2015 phòng giao dịch TN, Ngân hàng P- Chi Nhánh Đền Hùng cho bà H1 vay theo hai hợp đồng tín dụng số: 14.63.0066/2014-

HĐTD/NHCT248 và số: 15.63.0092/2015-HĐTD/NHCT248, để đảm bảo cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất diện tích 450,7 m² tại thửa số 223, tờ bản đồ 07, địa chỉ: Khu 6, HN, TN, tỉnh Phú Thọ, trên đất gồm: Nhà và toàn bộ công trình xây dựng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 164954 do UBND huyện TN cấp ngày 08/12/2014 mang tên Nguyễn Ngọc T1. Sau khi vay vốn, bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ và xử lý tài sản thế chấp. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện TN đã bán phát mại tài sản của ông T1 để trả nợ cho khoản vay là: 149.000.000 đồng và 15.182.417 đồng tiền lãi. Ngày 01/8/2018, Chi cục thi hành án dân sự huyện TN đã trích từ tài khoản tạm giữ số 3949.0.1053898.0000 tại kho bạc nhà nước huyện TN để thanh toán cho ngân hàng số tiền 172.350.571 đồng và trả cho bà H1 số tiền 1.425.491.429 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ nhưng chị N, chị L và bà H không hợp tác và cũng không có văn bản nào thể hiện đồng ý để cho bà H1 định đoạt số tiền 1.425.491.429 đồng. Nhưng hiện nay bà H1 đang là người trực tiếp quản lý số tiền trên là di sản của ông T1 để lại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Ngọc T1 đã chết để lại phải trả nợ cho Công ty X số tiền là 917.795.335đ (Chín trăm mười bảy triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng) là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H1.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thanh H1; giữ nguyên bản án số 14/2021/DS-ST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Xác nhận bà Nguyễn Thị Thanh H1 đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004483 ngày 09/8/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

(Đã ký)

Phùng Hải Hiệp

Nguyễn Phan Nam

Điều Văn Hằng

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điều Văn Hằng

